TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60 /2020/HNGĐ-ST
Ngày: 01/9/2020
V/v tranh chấp ly hôn
và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Ẩn

Bà Thái Hồng Oanh

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phan Nguyễn Mộng Cầm – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Cẩm Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 169/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2020, về việc *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Quốc K, sinh năm 1987.(Vắng mặt)

Địa chỉ ấp H1, xã H2, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:*Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1992. (Vắng mặt)

Địa chỉ ấp H1, xã H2, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai cùng ngày 21/5/2020, nguyên đơn anh Trần Quốc K trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị H thành hôn vào năm 2011 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã H2, huyện T, tỉnh Vĩnh Long ngày 13/7/2011. Thời gian vợ chồng chung sống khoảng 08 năm lúc đầu có hạnh phúc, sau đó thường phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm nên đã cắt đứt quan hệ từ tháng 11/2018 đến nay. Anh K xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống, anh yêu cầu được ly hôn với chị H. Về con chung, vợ chồng anh có 02 con chung tên Trần Khánh V, sinh ngày 09/02/2012 và Trần Quốc D, sinh ngày 13/6/2015 hiện đang sống chung với anh.

Anh K yêu cầu được tiếp tục nuôi con, anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung anh K không yêu cầu giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn là chị Nguyễn Thị H. Đồng thời triệu tập các đương sự đến tham gia phiên hoà giải nhiều lần nhưng phía chị H không trình bày ý kiến bằng văn bản gởi cho Toà án. Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập các đương sự đến tham gia phiên toà nhưng chị H vẫn vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn chị Nguyễn Thị H tại phiên toà hôm nay.

Tại biên bản xác minh ngày 22/7/2020 bà Nguyễn Thị Thanh T là mẹ ruột của anh Trần Quốc K trình bày: Anh K và chị H thành hôn từ năm 2011. Sau khi kết hôn vợ chồng đi làm thuê tại Bình Dương, một thời gian vợ chồng anh K về sống chung với gia đình bà. Do chị H không chung thủy trong quan hệ vợ chồng nên vợ chồng phát sinh mâu thuẩn và cắt đứt quan hệ khoảng 02 năm nay. Anh K, chị H có 02 con chung hiện gửi bà chăm sóc nuôi dưỡng cháu, lâu lâu chị H có về địa phương thăm 02 cháu.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện cơ bản đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

-Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn không tham gia các phiên hòa giải, phiên tòa là không tuân thủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án:

Đề nghị áp dụng các điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử cho anh Trần Quốc K được ly hôn với chị Nguyễn Thị H

- Về con chung: Đề nghị giao cháu Trần Khánh V, sinh ngày 09/02/2012 và Trần Quốc D, sinh ngày 13/6/2015 cho anh Trần Quốc K tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền nghĩa vụ thăm nôm, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Quốc K có nghĩa vụ nộp 300.000đ án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự có mặt của đương sự: Nguyên đơn anh Trần Quốc K có đơn xin vắng mặt. Bị đơn chị Nguyễn Thị H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về hôn nhân: Anh Trần Quốc K và chị Nguyễn Thị H thành hôn năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã H2, huyện T, tỉnh Vĩnh Long ngày 13/7/2011 nên xem đây là hôn nhân hợp pháp, phù hợp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Quá trình chung sống, anh Trần Quốc K trình bày vợ chồng sống chung phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên vợ chồng cắt đứt quan hệ từ tháng 11/2018 đến nay. Mặc khác, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án triệu tập bị đơn đến tham gia hòa giải nhằm giúp đỡ anh K, chị H đoàn tụ nhưng chị H vắng mặt không lý do. Chứng tỏ, chị H không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy: mâu thuẫn vợ chồng giữa anh K và chị H lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn anh Trần Quốc K là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Giữa anh Trần Quốc K và chị Nguyễn Thị H có 02 con chung tên Trần Khánh V, sinh ngày 09/02/2012 và Trần Quốc D, sinh ngày 13/6/2015 hiện đang sống chung với anh K. Hội đồng xét xử nhận thấy cháu V và cháu D từ trước đến nay sống chung với anh K, cuộc sống cháu cũng được đảm bảo. Mặc khác, cháu V có văn bản trình bày ý kiến muốn tiếp tục sống chung với cha và chị H cũng không có ý kiến về việc chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy để ổn định cuộc sống, tinh thần và theo nguyện vọng của con chung từ 07 tuổi trở lên, cần giao 02 con chung là Trần Khánh V, sinh ngày 09/02/2012 và Trần Quốc D, sinh ngày 13/6/2015 cho anh Trần Quốc K tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình. Anh Trần Quốc K là người đang trực tiếp nuôi con nhưng anh K không yêu cầu chị Nguyễn Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn anh Trần Quốc K và chị Nguyễn Thị H không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn anh Trần Quốc K có nghĩa vụ nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát có căn cứ chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trần Quốc K ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

2. Về con chung: Giao 02 con là Trần Khánh V, sinh ngày 09/02/2012 và Trần Quốc D, sinh ngày 13/6/2015 cho anh Trần Quốc K tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc. Chị Nguyễn Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc nguyên đơn anh Trần Quốc K có nghĩa vụ nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0016131 ngày 21/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, anh K đã nộp đủ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện ;
- Chi cục Thi hành án huyện;
- Ủy ban nhân dân xã H2 (theo GCN KH số 74 quyển 01 ngày 13/7/2011);
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Nga